

Bản án số: 172/2018/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2018
V/v “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T. – THÀNH PHỐ H.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Lê Hưng
2. Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tạo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương, kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2017/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐ-HPT ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Thúy Q,

Địa chỉ: số 62/20 đường Nhất C M, phường 13, quận T, Thành Phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H,

Địa chỉ liên lạc: số 207/241 Lê Văn V, phường H, quận 9, Thành phố H.

Văn bản ủy quyền số 8477 ngày 31/5/2017.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V,

Địa chỉ: số 423 Lô C chung cư T, phường T, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn B,

Địa chỉ: 32 đường 3413 Phạm T, phường 7, quận 8, Thành phố H.

(Văn bản ủy quyền số 008859 ngày 26/4/2018).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, nguyên đơn bà Phạm Thúy Q yêu cầu Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm hoàn trả tổng số tiền 950.000.000 đồng theo Hợp đồng vay ngày 18/01/2013; hợp đồng vay ngày 30/4/2012, 31/8/2013, 31/12/2013, 18/01/2014; Giấy xác nhận ngày 19/02/2008.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 212/2017/TB-TLVA ngày 29/5/2017, Tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/3/2018.

Tòa án tổng đạt trực tiếp, hợp lệ Giấy triệu tập đối với bị đơn đến Tòa án vào lúc 8 giờ 00 ngày 06/4/2018 để giải quyết vụ án nhưng vắng mặt và không có chứng cứ về việc vắng mặt có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H lập Biên bản hòa giải không được và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn B xác định bà Nguyễn Thị V còn nợ bà Phạm Thúy Q số tiền 950.000.000 đồng hiện nay chưa hoàn trả. Đồng thời, yêu cầu Tòa án triệu tập chồng của bà V vào tham gia tố tụng theo quy định và căn cứ vào thỏa thuận của hai bên bà Q và bà V thì phải xác định quan hệ pháp luật là buộc bà Nguyễn Thị V phải thực hiện nghĩa vụ bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Q, không phải là việc bà Q đòi lại tài sản như yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau : Về thẩm quyền thụ lý vụ án; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán , Hội đồng xét xử , người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng theo Hợp đồng vay ngày 18/01/2013; hợp đồng vay ngày 30/4/2012, 31/8/2013, 31/12/2013, 18/01/2014; Giấy xác nhận ngày 19/02/2008 cho bà Phạm Thúy Q và buộc bà Q phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thúy Q khởi kiện bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng là tranh chấp về đòi lại tài sản quy định tại khoản 2 Điều 155, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Phạm Thị V cư trú tại số 423 Lô C chung cư T, phường T, quận T, Thành phố H nên vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên các đương sự vẫn không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

[2] Người đại diện theo ủy quyền: Tại Giấy ủy quyền số công chứng số 8477 ngày 31/5/2017, bà Phạm Thúy Q ủy quyền cho ông H; Giấy ủy quyền công chứng số 008859 ngày 26/4/2018, bà Nguyễn Thị V ủy quyền cho ông Nguyễn B tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H để giải quyết về tranh chấp đòi tài sản là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 138, 141

của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn bà Phạm Thúy Q yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng.

Căn cứ vào các Hợp đồng vay ngày 18/01/2013; hợp đồng vay ngày 30/4/2012, 31/8/2013, 31/12/2013, 18/01/2014; Giấy xác nhận ngày 19/02/2008 xác định nội dung bà Nguyễn Thị V còn nợ lại khoản vay nêu trên đối với bà Phạm Thị Q.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 30/3/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị V xác định phạm vi yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn bà Phạm Thúy Q giao nộp; bà V cũng xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị V không đưa ra được các chứng cứ cũng như các văn bản thể hiện việc hoàn trả số tiền nêu trên cho bà Phạm Thúy Q. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác định việc chưa hoàn trả số tiền nêu trên như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy việc ký nhận vay tiền giữa các bên là có thật, bà Nguyễn Thị V không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, người đại diện theo ủy quyền thừa nhận khoản nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nay nguyên đơn bà Phạm Thúy Q yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả số tiền 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về việc cầm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà Q và bà V có thỏa thuận bằng văn bản về việc cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 791767 ngày 24/01/2008 và số AL 794775 ngày 19/02/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh T chứng nhận bà Nguyễn Thị V là người sử dụng đất, theo đó bà V giao cho Q hai giấy chứng nhận nêu trên để cam kết nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay tài sản.

Xét rằng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản theo quy định tại Điều 163 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 105 của Bộ luật dân sự năm 2015) nên sự thỏa thuận cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Phạm Thúy Q và bị đơn bà Nguyễn Thị V là không phù hợp quy định tại Điều 326 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 309 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ*). Do đó, buộc bà Phạm Thị Q phải có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 791767

ngày 24/01/2008 và số AL 794775 ngày 19/02/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh T cho bà Nguyễn Thị V là phù hợp quy định của pháp luật.

Nhận thấy yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thúy Q, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thúy Q số tiền 950.000.000 đồng; buộc bà Phạm Thúy Q trả lại cho bà Nguyễn Thị V hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điểm c mục 1.3 phần 1 Danh mục kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 950.000.000 đồng. Do đó, án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí là 40.500.000 (bốn mươi triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho bà Phạm Thúy Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 20.250.000 (hai mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0009227 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2014;

Áp dụng điểm c mục 1.3 phần 1 Danh mục kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thúy Q;

1. Buộc bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thúy Q số tiền 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Phạm Thúy Q phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 791767 ngày 24/01/2008

và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 794775 ngày 19/02/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh T ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.500.000 (bốn mươi triệu, năm trăm ngàn) đồng.

3.2. Hoàn lại cho bà Phạm Thúy Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 20.250.000 (hai mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0009227 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Oánh